

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-6-2022

V/v ly hôn, nuôi con chung giữa

Anh H và chị B

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Phạm Thế H (Phạm Văn H), sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 6, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

**Bị đơn:** Chị Lê Thị B, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Anh H, chị B xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18-4-2022, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Thế H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thế H và chị Lê Thị B đăng ký kết hôn ngày 31-5-2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh H tại xóm 6, xã P. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 4-2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình

không hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung không hòa hợp, hạnh phúc. Đến tháng 8-2006, chị B đã về sống cùng bố mẹ đẻ ở xóm Mỹ Hòa, xã G, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Hương X, sinh ngày 24-10-2006, hiện nay đang ở cùng anh H và gia đình nội. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20-5-2022, bị đơn chị Lê Thị B có lời khai phù hợp với lời khai của anh H về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống. Theo chị B vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2006, nguyên nhân là do anh H không làm tròn bổn phận, trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình. Do đó, chị H đã về nhà ngoại ở, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nay anh H làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H không gây khó khăn gì, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị B có lời khai thống nhất với anh H về con chung, vợ chồng có một con chung Phạm Thị Hương X, sinh ngày 24-10-2006. Khi ly hôn chị B nhất trí để con cho anh H và gia đình bên nội tiếp tục nuôi dưỡng, do anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên chị B cũng nhất trí. Tuy nhiên, khi vợ chồng cưới, bố mẹ chị B cho chị 6 chỉ vàng và 3.000.000đ, chị để lại cho anh H nuôi con, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Phạm Thế H và chị Lê Thị B đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H, chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Thế H và chị Lê Thị B là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 31-5-2005. Vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng tháng 4-2006 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó sống ly thân cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị B, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị B là xuất phát từ tính cách, quan điểm sống của hai người không hợp nên không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị B cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống với anh H nên chị nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị B là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Hương X, sinh ngày 24-10-2006. Hiện nay con đang ở cùng anh H và gia đình nội. Anh H, chị B thống nhất ý kiến để anh H tiếp tục nuôi dưỡng con, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Xét điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của hai bên, nguyện vọng của con thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do anh H và gia đình bên nội nuôi dưỡng, chăm sóc, nguyện vọng của cháu X muốn tiếp tục ở với anh H. Do đó, cần giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H và được quyền thăm con, không ai được ngăn cản nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Anh H, chị B đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Phạm Thế H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Thế H (Phạm Văn H) và chị Lê Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Hương X, sinh ngày 24-10-2006 cho anh Phạm Thế H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H và được quyền thăm con, không ai được ngăn cản nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Phạm Thế H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006151 ngày 28-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Văn Đề    Đỗ Việt Hùng**

**Nguyễn Thị Hằng**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu văn phòng.

**Nguyễn Thị Hằng**